

Số: 23 /2016/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 23 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật,
bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;

Căn cứ Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đưa bảo vật quốc gia ở di tích ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội;

Căn cứ Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ban hành Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 239/TTr-SVHTTDL ngày 26/10/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

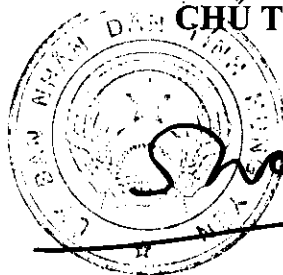
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05/12/2016. Bãi bỏ Quyết định số 2142/QĐ-UB ngày 31/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy chế xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các nội dung về quản lý di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử (sau đây gọi chung là di tích), di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Di tích lịch sử - văn hoá* là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

2. *Chủ sở hữu di tích* là tổ chức, cá nhân có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với di tích theo quy định của pháp luật.

3. *Tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích* là tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu di tích giao quyền quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định của pháp luật.

4. *Người đại diện tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích* là người đại diện hợp pháp cho chủ sở hữu di tích hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích xác lập, thực hiện giao dịch dân sự để thực hiện quyền sở hữu hoặc quản lý di tích theo quy định của pháp luật.

5. *Di vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

6. *Cổ vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên.

7. *Bảo vật quốc gia* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học.

Chương II **QUẢN LÝ DI TÍCH**

Mục 1 **PHÂN LOẠI, KIỂM KÊ, XẾP HẠNG DI TÍCH**

Điều 3. Phân loại di tích

Di tích được phân loại theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ) và các tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật Di sản văn hoá, Khoản 9, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá, gồm:

1. Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân).
2. Di tích kiến trúc nghệ thuật.
3. Di tích khảo cổ.
4. Danh lam thắng cảnh.

Điều 4. Kiểm kê di tích

1. Việc kiểm kê di tích được tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 28 Luật Di sản văn hoá và Khoản 9, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

2. Định kỳ 05 năm một lần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định.

3. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại di tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; công bố danh mục di tích kiểm kê.

Điều 5. Lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xếp hạng, đề nghị xếp hạng di tích theo thẩm quyền.

2. Di tích được lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt phải đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Khoản 9, Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

3. Nội dung hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích phải đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi tiết theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh.

4. Hồ sơ khoa học di tích được lưu trữ tại tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa (đối với di tích xếp hạng quốc gia và quốc gia đặc biệt).

5. Khuyến khích việc định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần của hồ sơ khoa học di tích để lưu trữ cùng hồ sơ.

6. Kinh phí lập hồ sơ xếp hạng di tích được lấy từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch xếp hạng di tích kèm theo dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Tổ chức trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có di tích được xếp hạng di tích quốc gia xây dựng kế hoạch và tổ chức lễ trao nhận bằng xếp hạng di tích cấp quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình lễ trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức thực hiện.

Điều 7. Hủy bỏ xếp hạng di tích

Đối với di tích đã được xếp hạng mà sau đó có đủ căn cứ xác định là không đủ tiêu chuẩn hoặc bị hủy hoại không có khả năng phục hồi, người có thẩm quyền xếp hạng di tích nào thì ra quyết định hủy bỏ xếp hạng đối với di tích đó theo quy định tại Điều 30 Luật Di sản văn hóa.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DI TÍCH

Điều 8. Phân cấp quản lý di tích

Căn cứ điều kiện và giá trị di tích trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý và chịu trách nhiệm bảo vệ, quản lý và khai thác di tích trên địa bàn theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đơn vị sự nghiệp trực thuộc quản lý trực tiếp Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến và các di tích quốc gia đặc biệt có quy mô lớn, phức tạp, địa bàn liên quan đến nhiều địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn; căn cứ vào các quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và giá trị của từng di tích, cụm di tích trên địa bàn xây dựng đề án trình cấp có thẩm quyền

thành lập Ban quản lý di tích cấp huyện đối với di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu (trừ những di tích quy định tại Khoản 1 Điều này) để quản lý, bảo vệ và khai thác, phát huy hiệu quả giá trị của di tích.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp quản lý trực tiếp di tích, căn cứ vào giá trị của từng di tích trên địa bàn có trách nhiệm thành lập và quy định nội quy, quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích cấp xã, Tổ quản lý, phát huy giá trị của di tích tại địa phương.

Điều 9. Quản lý đất đai và cắm mốc giới di tích

Các di tích đã xếp hạng phải được tổ chức cắm mốc giới khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích. Việc cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

1. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định xếp hạng di tích, cấp quản lý trực tiếp di tích phải tiến hành quy hoạch, cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích.

a) Việc cắm mốc giới các di tích phải đảm bảo nguyên tắc phân định rõ ranh giới các khu vực bảo vệ di tích với khu vực bên ngoài theo biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ trong hồ sơ xếp hạng di tích;

b) Cột mốc, hàng rào bảo vệ di tích phải được làm bằng chất liệu bền vững và đặt ở vị trí dễ nhận biết; hình dáng, màu sắc phải phù hợp với môi trường, cảnh quan di tích và không ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích.

2. Việc khoanh vùng bảo vệ và sử dụng khu vực đất đai của di tích được xếp hạng thực hiện theo quy định tại Khoản 13, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và Điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích hoặc được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải có trách nhiệm bảo vệ đất đai của di tích. Trong trường hợp phát hiện đất đai của di tích bị xâm phạm, lấn, chiếm, mua bán hoặc hủy hoại phải có ngay biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi nhận được thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và báo cáo ngay với cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp để kịp thời xử lý, giải quyết.

Điều 10. Tổ chức lễ hội tại di tích

Việc tổ chức lễ hội tại di tích thực hiện theo Điều 22 Luật Di sản văn hóa; Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội và các quy định của pháp luật có liên quan; phải phù hợp với tính chất, đặc điểm lịch sử của di tích, phù hợp với thuần phong mỹ tục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Nội dung hoạt động lễ hội và các dịch vụ có liên quan phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 11. Thực hiện nếp sống văn minh tại di tích

Việc thực hiện nếp sống văn minh tại di tích thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo.

Điều 12. Đảm bảo vệ sinh môi trường trong di tích

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong di tích thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích và các quy định pháp luật khác về thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng.

Điều 13. Tiếp nhận, bổ sung biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự mới vào di tích

Việc tiếp nhận, bổ sung biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự mới vào di tích phải đảm bảo quy trình, nguyên tắc sau:

1. Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý và sử dụng di tích phải có văn bản đề nghị gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và chỉ được tiếp nhận, bổ sung biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự được bổ sung phải có giá trị thẩm mỹ, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam; kích thước, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với không gian kiến trúc và nội thất của di tích.

Điều 14. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch tại di tích

1. Các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức hợp tác khoa học đa quốc gia có nhu cầu nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh phải có văn bản đề nghị gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Công an tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch tại di tích phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương có di tích; thực hiện theo sự hướng dẫn và giám sát của cấp chính quyền quản lý trực tiếp di tích.

3. Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý và sử dụng di tích có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu, du lịch tại di tích.

Điều 15. Sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí thu từ di tích

1. Các nguồn kinh phí thu từ di tích, tiền thu qua công đức (gồm: Khoản tài trợ, hòm công đức, ghi phiếu công đức), tiền đặt trên các ban thờ... do cơ

quan, đơn vị trực tiếp quản lý di tích kiểm soát, báo cáo tài chính để sử dụng vào việc trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị di tích theo đúng quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng Ban quản lý di tích cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về các hoạt động thu, chi tài chính đối với những di tích do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

2. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ di tích phải được công khai, minh bạch, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu đúng mục đích và được sự giám sát, kiểm tra của cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và các quy định khác có liên quan về tài chính.

Mục 3

BẢO QUẢN, TU BỒ VÀ PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 16. Nguyên tắc và quy trình tiến hành bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt và điều kiện của tổ chức, cá nhân thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập dự án tu bổ di tích; thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích, dự án tu bổ di tích theo Điều 16, Điều 17 Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải đáp ứng các điều kiện và được Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Điều 18. Xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh, đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Việc xây dựng công trình tại khu vực II không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

3. Thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia và quốc gia đặc biệt thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Điều 19. Tu sửa cấp thiết di tích

1. Việc tu sửa cấp thiết di tích chỉ được tiến hành khi di tích có nguy cơ bị hủy hoại do tác động của môi trường thiên nhiên, của con người nhằm chống đỡ, gia cố, gia cường các bộ phận của di tích để kịp thời ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ trước khi tiến hành công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi.

2. Thủ tục tiến hành tu sửa cấp thiết di tích thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 18/9/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 20. Nguồn vốn đầu tư bảo quản, tu bổ phục hồi và chống xuống cấp di tích

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp.
2. Nguồn vốn trích từ nguồn thu tại Khoản 1, Điều 15 Quy định này.
3. Các nguồn vốn tài trợ, tự nguyện đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III QUẢN LÝ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA

Điều 21. Tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do thăm dò khai quật khảo cổ hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp

Tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do thăm dò khai quật khảo cổ học hoặc tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng quy trình, chuẩn bị mẫu hồ sơ để các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đến đăng ký theo quy định.

3. Chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có trách nhiệm thực hiện đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

4. Khuyến khích chủ sở hữu gửi các sưu tập di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia vào Bảo tàng tỉnh để bảo vệ và phát huy giá trị trong trường hợp chủ sở hữu không có đủ điều kiện và khả năng bảo vệ, trưng bày, giới thiệu phục vụ công chúng.

Điều 23. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích:

a) Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kiểm kê theo định kỳ hằng quý, hằng năm; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp về thực trạng di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại di tích và có trách nhiệm bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia an toàn tuyệt đối. Trong trường hợp phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của di tích bị mất, bị hủy hoại thì phải báo ngay cho các cơ quan chính quyền gần nhất để kịp thời xử lý, giải quyết;

b) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra khỏi di tích để nghiên cứu, trưng bày, triển lãm trong phạm vi của tỉnh phải có văn bản đồng ý của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đề nghị bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

c) Việc đưa cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích ra khỏi địa bàn tỉnh để nghiên cứu, trưng bày, triển lãm phải có quyết định cho phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Việc đưa bảo vật quốc gia ở di tích ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản thực hiện theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định đưa bảo vật quốc gia ở di tích ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

đ) Nếu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích bị mất thì tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống địa phương, ngành:

a) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống ra khỏi địa bàn tỉnh để nghiên cứu, trưng bày, triển lãm phải có quyết định

cho phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Việc đưa bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản thực hiện theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa bảo vật quốc gia ở di tích ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

c) Việc quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống được thực hiện theo Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng ban hành kèm theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Điều 24. Công nhận bảo vật quốc gia

1. Hiện vật là di vật, cổ vật được lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 21, Điều 1 và đã đăng ký theo quy định tại Khoản 22, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 25. Thẩm quyền cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Thẩm quyền cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Điều kiện cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:

- a) Có mục đích rõ ràng;
- b) Có bản gốc đối chiếu;
- c) Có dấu hiệu riêng để phân biệt bản sao với bản gốc;
- d) Có sự đồng ý của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Điều 26. Quản lý di vật, cổ vật trong di tích khảo cổ

Trong trường hợp phát hiện di vật, cổ vật trong các di tích, di chỉ khảo cổ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải khoanh vùng khu vực cần bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm di tích, di chỉ khảo cổ và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thu nhận, bảo quản theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Mua bán, trao đổi, tặng cho, thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được mua bán, trao đổi, tặng, cho và thừa kế.

2. Hoạt động mua bán, trao đổi, tặng, cho và thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Di sản văn hóa và Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách về bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đề xuất nguồn kinh phí sử dụng cho hoạt động này hằng năm;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

c) Định kỳ tổ chức điều tra, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật ở di tích; chịu trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý hồ sơ di tích, di vật, cổ vật trên địa bàn tỉnh;

d) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp hạng, hủy bỏ xếp hạng di tích cấp tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định xếp hạng, hủy bỏ xếp hạng di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động khai thác, phát huy giá trị di tích, cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia;

e) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ- thuật bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cấp tỉnh; trình UBND tỉnh phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi có văn bản thỏa thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra văn bản tu bổ cấp thiết di tích sau khi có đầy đủ hồ sơ và văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

g) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ đối với di tích cấp tỉnh; báo cáo đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường của di tích;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; hướng dẫn việc tổ chức lễ trao nhận

quyết định và bảng xếp hạng di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh theo quy định của Nhà nước bảo đảm trang trọng và tiết kiệm;

i) Tổ chức thực hiện, hướng dẫn thực hiện, thẩm định hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội tại di tích theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội;

k) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức khai thác, phát huy giá trị di tích; hướng dẫn xây dựng nội quy tại các di tích;

l) Lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;

m) Cấp Giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 23; Chứng chỉ hành nghề mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ; cấp, thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh giám định cổ vật cho cá nhân, tổ chức đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

n) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức và những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

o) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Di sản văn hóa và các quy định của Nhà nước có liên quan; giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

p) Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hàng năm cho việc bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị của các di tích;

b) Thỏa thuận, thẩm định hoặc trình phê duyệt các dự án về quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ hoạt động bảo tồn di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách;

b) Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng quy định quản lý, sử dụng nguồn thu từ công đức tại các di tích.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch các di chỉ khảo cổ học, cắm mốc giới bảo vệ di tích; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các di tích;

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, triển khai các dự án bảo vệ môi trường di tích; thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, môi trường tại di tích theo thẩm quyền.

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của ngành xây dựng trong công tác quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành, cơ quan liên quan thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu tới di tích, thực hiện quản lý không gian, kiến trúc ảnh hưởng đến di tích và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Cấp Giấy phép xây dựng, phục dựng, sửa chữa các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc thành lập Ban quản lý di tích cấp huyện để quản lý trực tiếp các di tích có giá trị tiêu biểu trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng, phục dựng, sửa chữa các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động tôn giáo tại di tích theo quy định của pháp luật; tham gia quản lý các di tích có liên quan đến tôn giáo.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức giáo dục cho học sinh, sinh viên các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đưa việc tham quan, học tập, nghiên cứu tại Bảo tàng, nhà truyền thống và các di tích vào chương trình giảng dạy ngoại khóa hằng năm của các cấp học;

b) Chỉ đạo các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đăng ký nhận chăm sóc 01 - 02 di tích tại địa phương (chú trọng đến các di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt) và xây dựng kế hoạch chăm sóc định kỳ đối với các di tích nhằm nâng cao ý thức bảo vệ di tích và giữ gìn vệ sinh môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp tại di tích cho học sinh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc đề xuất triển khai, quản lý các ứng dụng, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học phục vụ việc phát hiện, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí và hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

10. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành có liên quan ngăn chặn, xử lý vi phạm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật;

b) Triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh xử lý đối với các hành vi xâm hại, trộm cắp, chiếm đoạt, mua bán, trao đổi, vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt văn bản đề nghị nghiên cứu khoa học và đảm bảo an ninh cho các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức hợp tác khoa học đa quốc gia khi được phép nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh. Tham gia thẩm định các dự án tu bổ, phục hồi di tích có yếu tố nước ngoài.

11. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành mình.

12. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng chỉ đạo phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích gắn với phát triển du lịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ và khai thác phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đối với di tích thuộc địa bàn quản lý (trừ những di tích quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này);

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến những quy định pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di tích tại địa phương;

c) Xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn; cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy trình, thủ tục, nội dung dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích tại địa phương trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận, phê duyệt theo trình tự quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trên địa bàn;

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng chuyên môn về công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong phạm vi địa phương;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học cơ sở, tiểu học trên địa bàn tổ chức giáo dục cho học sinh các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, đưa việc học tập, tham quan, nghiên cứu di tích vào chương trình giáo dục ngoại khóa hàng năm của các cấp học, trường học; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh đi tham quan thực tế tại các di tích; đăng ký nhận chăm sóc di tích tại địa phương;

h) Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn;

i) Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan xử lý những hành vi xâm hại đến di tích;

k) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

l) Quy định nội quy, quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích cấp huyện thực hiện bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo các quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản pháp luật có liên quan;

m) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm về di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo thẩm quyền.

13. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác quản lý, bảo vệ và khai thác phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đối với di tích trên địa bàn; chịu trách nhiệm về các hoạt động tổ chức lễ hội, đảm bảo an ninh, môi

trường cảnh quan di tích đối với các di tích do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

b) Thành lập Ban quản lý di tích cơ sở do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban, thành viên bao gồm lãnh đạo các đoàn thể, người trụ trì và người trực tiếp trông coi di tích để quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại địa phương;

c) Thu nhận và bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện trên địa bàn, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về văn hoá, thể thao, du lịch;

d) Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

đ) Kiến nghị việc xếp hạng di tích;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý di tích trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

g) Tiếp nhận những thông tin liên quan đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và báo cáo cơ quan cấp trên khi cần thiết;

h) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 29. Tổ chức, cá nhân liên quan

Các tổ chức, cá nhân là công dân có quốc tịch Việt Nam hoặc người nước ngoài sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm thực hiện các quy định trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 30. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định Luật Di sản văn hóa, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này thì được khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua Khen thưởng và Điều 33, Điều 34 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.

Điều 31. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

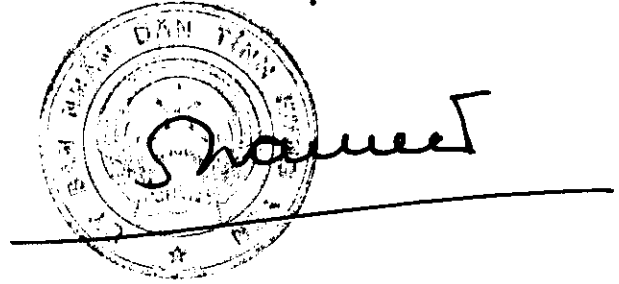
1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích, di

vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.

3. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các ngành, các cấp kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng